

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 09 có các nội dung đáng chú ý sau:

- *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật liên quan đến an ninh, trật tự.*
- *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá.*
- *Luật Thi hành án dân sự.*
- *Văn bản dự thảo: Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Trí tuệ nhân tạo.*
- *Giải đáp pháp luật: Về Luật Trí tuệ nhân tạo 2025.*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI

SỬA ĐỔI 10 LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH, TRẬT TỰ

[Luật số 118/2025/QH15](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật liên quan đến an ninh, trật tự được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025 nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm đồng bộ với các quy định mới về tổ chức bộ máy và chuyển đổi số.

Đối với Luật Cảnh vệ, Luật số 118/2025/QH15 mở rộng và điều chỉnh đối tượng được áp dụng chế độ cảnh vệ; quy định cụ thể hơn về chế độ, biện pháp bảo vệ đối với lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước và một số chức danh quan trọng. Đồng thời, bổ sung cơ chế áp dụng chế độ cảnh vệ đối với khách mời cấp cao, quy định rõ các biện pháp bảo vệ như bảo vệ tiếp cận, tuần tra vũ trang, kiểm tra an ninh, sử dụng phương tiện kỹ thuật hiện đại và tăng cường lực lượng khi tình hình phức tạp.

Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được bổ sung quy định khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia để giảm giấy tờ trong thủ tục hành chính; bổ sung các loại thị thực mới (UD1, UD2) dành cho nhân lực công nghệ số chất lượng cao và thân nhân; mở rộng thời hạn một số loại thị thực, thẻ tạm trú; hoàn thiện quy trình cấp thị thực điện tử; bổ sung cơ chế miễn thị thực cho đối tượng đặc biệt phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời

tăng cường quản lý cư trú, trách nhiệm của địa phương.

Về Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Luật số 118/2025/QH15 sửa đổi quy định về hộ chiếu phổ thông cấp theo thủ tục rút gọn; bổ sung các trường hợp thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu (khi cấp mới, sai thông tin, hoặc người đang bị truy nã); đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu xuất nhập cảnh với cơ sở dữ liệu dân cư; đơn giản hóa thành phần hồ sơ nhờ khai thác dữ liệu điện tử.

Luật Cư trú được điều chỉnh khái niệm cư trú gắn với đơn vị hành chính cấp xã; làm rõ thẩm quyền của Công an cấp xã; sửa đổi điều kiện đăng ký thường trú, đặc biệt đối với trẻ em, người cao tuổi, người yếu thế; quy định cụ thể hơn về thông báo lưu trú, khai báo tạm vắng qua môi trường điện tử; tăng cường cập nhật, đồng bộ dữ liệu cư trú với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Về Luật Căn cước, hoàn thiện quy định về căn cước điện tử và ứng dụng định danh quốc gia (VNeID); khẳng định nguyên tắc không yêu cầu công dân xuất trình giấy tờ đã được tích hợp trong căn cước điện tử; mở rộng hình thức cấp đổi, cấp lại trực tuyến; tăng cường quản lý, kết nối, giám sát việc khai thác dữ liệu dân cư, bảo đảm an ninh mạng.

Đối với Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, Luật số 118/2025/QH15 điều chỉnh cơ

chế tổ chức, hoạt động tại đặc khu; làm rõ trách nhiệm của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; thống nhất thuật ngữ phù hợp với mô hình đơn vị hành chính mới.

Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được bổ sung quy định về cơ sở dữ liệu đào tạo, sát hạch, giám sát hành trình; nghiêm cấm hành vi can thiệp, làm sai lệch dữ liệu thiết bị giám sát; quy định bắt buộc lắp đặt thiết bị ghi hình đối với một số loại xe kinh doanh vận tải; bổ sung quy định về phương tiện giao thông thông minh; hoàn thiện cơ chế đăng kiểm, cấp giấy phép lái xe và phân định rõ thẩm quyền của các bộ, ngành.

[Luật số 118/2025/QH15](#) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT GIÁ

[Luật số 140/2025/QH15](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025 nhằm hoàn thiện quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá, bảo đảm phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy và thực tiễn quản lý.

Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026, quy định việc thanh tra trong lĩnh vực giá thực hiện theo pháp luật về thanh tra, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật.

Một nội dung quan trọng là Luật số 140/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung nhiều mục tại Phụ lục số 02 về Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá. Trong đó, Luật quy định rõ thẩm quyền định giá tối đa, khung giá hoặc giá cụ thể đối với

nhiều loại hàng hóa, dịch vụ như: dịch vụ hàng không; dịch vụ kiểm định; dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán; hàng dự trữ quốc gia; sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước; dịch vụ y tế, kiểm nghiệm, máu và chế phẩm máu; nhà ở công vụ, nhà ở xã hội thuộc tài sản công; hàng hóa, dịch vụ phục vụ quốc phòng, an ninh; dịch vụ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ; dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; và dịch vụ giám định ngoài tố tụng tư pháp.

Việc phân định thẩm quyền giữa Bộ Tài chính, các bộ quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định cụ thể, rõ ràng hơn.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2025

Quốc hội đã thông qua Luật Thi hành án dân sự [số 106/2025/QH15](#) ngày 5/12/2025. Luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, gồm 5 chương với 116 điều, quy định nguyên tắc, trình tự, thủ tục thi hành bản án, quyết định, phán quyết theo quy định của pháp luật (bản án, quyết định); tổ chức, hoạt động của hệ thống thi hành án dân sự (THADS), Chấp hành viên, văn phòng THADS, Thừa hành viên; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong THADS.

Luật bổ sung nhiều quy định về ứng dụng công nghệ thông tin,

chuyển đổi số trong hoạt động THADS. Theo đó, cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự do Bộ Tư pháp quản lý, được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia. Cơ quan, tổ chức được giao quản lý Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu khác có trách nhiệm kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự; thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự, văn phòng thi hành án dân sự về việc truy cập, khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu đó để phục vụ hoạt động thi hành án dân sự.

Việc yêu cầu thi hành án, thông báo về thi hành án có thể được thực hiện trên môi trường số. Bên cạnh đó, việc xác minh điều kiện thi hành án được thực hiện trên môi trường số thông qua kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Thanh toán tiền thi hành án có thể thực hiện qua chuyển khoản ... Những quy định này đã tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thi hành án.

Luật có quy định mới về gửi lại yêu cầu thi hành án. Hết thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án và đã xác minh theo quy định mà không có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự gửi lại yêu cầu thi hành án. đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành án trở lại khi người phải thi hành án có điều kiện thi hành hoặc có quyền yêu cầu

văn phòng thi hành án dân sự thi hành án theo quy định.

Quy định về quản lý vật chứng cũng được sửa đổi theo hướng vật chứng tiếp tục được lưu giữ tại kho của cơ quan Công an nhân dân, Quân đội nhân dân hoặc cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Một điểm đáng chú ý của Luật là bổ sung các quy định về Thừa hành viên và Văn phòng thi hành án dân sự với những nội dung chính như: Đổi tên Thừa phát lại thành Thừa hành viên và đổi tên Văn phòng Thừa phát lại thành Văn phòng Thi hành án dân sự.

LUẬT QUY HOẠCH

Từ ngày 01/3/2026, [Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15](#) thay thế Luật Quy hoạch số 21/2017/QH15.

Luật Quy hoạch mới gồm 6 chương với 58 điều, quy định về hệ thống quy hoạch; việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, cung cấp thông tin, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch; quản lý nhà nước về hoạt động quy hoạch.

Hệ thống quy hoạch gồm quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chi tiết ngành và quy hoạch đô thị - nông thôn, quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Thời kỳ quy hoạch là 10 năm tính từ ngày 01 tháng 01 của năm có chữ số cuối là 1 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm có chữ số cuối là 0. Tầm nhìn quy hoạch được xác định

cho khoảng thời gian 30 năm tính từ đầu thời kỳ quy hoạch. Riêng quy hoạch đô thị và nông thôn tuân theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Quốc hội và Hội đồng nhân dân thực hiện giám sát về hoạt động quy hoạch theo quy định của pháp luật về hoạt động giám sát. Việc giám sát hoạt động quy hoạch của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo quy định của pháp luật về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Bên cạnh đó, cá nhân và tổ chức có quyền tham gia giám sát hoạt động quy hoạch theo pháp luật về dân chủ ở cơ sở và pháp luật về tiếp cận thông tin.

Luật phân định rõ thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch của các cơ quan trung ương và địa phương. Theo đó, Chính phủ tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành, quy hoạch vùng thuộc phạm vi quản lý. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập quy hoạch tỉnh.

Thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch được xác định tại Điều 36 của Luật. Quốc hội sẽ quyết định quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng. Chính phủ quy định thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ngành. Bộ trưởng phê duyệt quy hoạch chi tiết ngành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch khảo cổ,

quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích của cụm di tích quốc gia hoặc cụm di tích quốc gia với di tích cấp tỉnh thuộc trách nhiệm quản lý. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP 2025: NÂNG CHUẨN TOÀN DIỆN ĐỘI NGŨ GIÁM ĐỊNH VIÊN

Luật Giám định tư pháp [số 105/2025/QH15](#) sẽ có hiệu lực từ 01/5/2026, trong đó có những thay đổi căn bản về tiêu chuẩn, điều kiện của giám định viên tư pháp nhằm chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ cung cấp chứng cứ khoa học cho hoạt động tố tụng.

Điểm nhấn quan trọng nhất của Luật mới là việc mở rộng phạm vi bắt buộc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ. Theo đó, công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam đề được xem xét, bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở mọi lĩnh vực đều phải qua khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp; đồng thời có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự đã trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự thì thời gian thực tế hoạt động chuyên môn từ đủ 03 năm trở lên.

Luật cũng nêu rõ các trường hợp không được bổ nhiệm giám định tư pháp gồm: Người không đủ tiêu chuẩn như nói ở trên; người bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; người đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; cán bộ bị kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm; công chức, viên chức bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội

nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu quân nhân hoặc buộc thôi việc; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân hoặc buộc thôi việc; người đang trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Bên cạnh đó, Luật có các quy định về chính sách hỗ trợ đặc thù trong hoạt động giám định tư pháp. Theo đó, người giám định tư pháp hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực, chuyên ngành có tính chất nguy hiểm, độc hại, khó thu hút tham gia hoạt động giám định tư pháp được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù, vượt trội. Tổ chức giám định tư pháp công lập được áp dụng chế độ thuê khoán tương xứng để thu hút chuyên gia giỏi, tổ chức chuyên môn có năng lực tốt ở ngoài khu vực nhà nước tham gia hoạt động giám định.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT BÁO CHÍ

Kế hoạch triển khai thi hành [Luật Báo chí số 126/2025/QH15](#) được ban hành kèm theo [Quyết định 329/QĐ-TTg](#) ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

Luật Báo chí sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Để triển khai thi hành Luật kịp thời, thống nhất và hiệu quả, Kế hoạch xác định cụ thể các nội dung công việc, thời

hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật, đồng thời nêu rõ trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện các hoạt động triển khai thi hành Luật theo quan điểm “06 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bộ,

ngành và địa phương trong triển khai thi hành Luật.

Kế hoạch đưa ra ba nhóm nhiệm vụ. Thứ nhất là rà soát, xây dựng ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật; sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để phù hợp với Luật Báo chí. Thứ hai là tổ chức quán triệt, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành. Thứ ba là kiểm tra, giám sát, đôn đốc, theo dõi tình hình tổ chức thi hành Luật và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật.

Trong đó, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình khác và các cơ quan, đơn vị có liên quan được giao phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thông tin, tuyên truyền về Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN DIỆN LĨNH VỰC NỘI VỤ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP ĐẾN NĂM 2030

Đề án Chuyển đổi số toàn diện lĩnh vực Nội vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại [Quyết định số 350/QĐ-TTg](#) ngày 26/02/2026.

Mục tiêu được đặt ra là đến năm 2030 xây dựng, hoàn thiện hạ tầng dữ liệu, nền tảng số, cơ sở dữ liệu quốc gia trọng yếu ngành Nội vụ; phát triển dịch vụ công trực tuyến toàn trình; nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành Nội vụ; nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng của người dân, doanh nghiệp đối với thông tin, dịch vụ công trực tuyến toàn trình, các nền tảng số và hệ thống thông tin lĩnh vực Nội vụ trên môi trường số; đẩy mạnh hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực Nội vụ trên môi trường điện tử; phát triển dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung; thúc đẩy định danh, xác thực điện tử và số hóa hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và các nhóm đối tượng chính sách thuộc phạm vi quản lý; đẩy mạnh chi trả không dùng tiền mặt trong an sinh xã hội; nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng. Đề án nêu rõ, đến năm 2030, tối thiểu 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực Nội vụ.

Đến năm 2035, ngành Nội vụ hoàn thiện các chỉ tiêu chuyển đổi số ở mức tiệm cận 100%, bảo đảm vận hành ổn định, đồng bộ, bền vững và có năng lực dự báo chính xác; thủ tục hành chính, dịch vụ công được cung cấp chủ động, tự động dựa trên dữ liệu số; không yêu cầu nộp hồ sơ lặp lại; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo trong quản trị, dự báo và tối ưu tổ chức bộ máy; dữ liệu trở thành tài sản số cốt lõi, được quản trị tập trung, phục vụ

hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và xây dựng chính sách; quyết định quản lý chủ yếu dựa trên phân tích dữ liệu.

Tầm nhìn đến năm 2045, hầu hết các quy trình nghiệp vụ cốt lõi trong ngành Nội vụ được tự động hóa ở mức cao, vận hành thông suốt trên môi trường số, bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu; chuyển đổi số lĩnh vực Nội vụ giữ vai trò nòng cốt về thể chế, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực góp phần hiện thực hóa mục tiêu Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chỉ số Chính phủ điện tử, quản trị công và cung cấp dịch vụ công.

CHƯƠNG TRÌNH “HỖ TRỢ HỌC SINH, SINH VIÊN KHỞI NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2026 - 2035”

Ngày 25/02/2026, Chính phủ đã ban hành [Quyết định số 336/QĐ-TTg](#) phê duyệt chương trình “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035”.

Chương trình nhằm hình thành văn hóa khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục, lan tỏa tinh thần và khát vọng khởi nghiệp, phát triển sản phẩm, giải pháp có giá trị, mang bản sắc Việt Nam; tạo điều kiện để người học phát huy vai trò trung tâm sáng tạo, từng bước nâng cao năng lực làm chủ tri thức và công nghệ...

Một số mục tiêu đáng chú ý giai đoạn 2026 - 2030 như: 50% học sinh trung học phổ thông, 25% học sinh trung học cơ sở và 15% học sinh tiểu học được định hướng khởi nghiệp; 85% sinh viên hoàn thành

học phần khởi nghiệp hoặc tham gia ít nhất một khóa học kỹ năng khởi nghiệp; 100% cơ sở đào tạo ban hành và công khai quy chế hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, đồng thời cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp. Hằng năm, tối thiểu 40% cơ sở đào tạo triển khai chương trình ươm tạo khởi nghiệp cho sinh viên; số sinh viên khởi nghiệp mới đạt tối thiểu 50/10.000 sinh viên chính quy mỗi năm. Bên cạnh đó, Chương trình hướng tới mỗi năm có ít nhất 40 dự án khởi nghiệp của nhà giáo và người học được đầu tư hoặc kết nối nguồn vốn, trong đó chú trọng tăng tỷ lệ dự án có nữ tham gia và dự án của học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

Giai đoạn 2031-2035, các chỉ tiêu tiếp tục được nâng cao, trong đó tăng tỷ lệ học sinh được định hướng và trang bị kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp; mở rộng hoạt động ươm tạo, thương mại hóa các dự án khởi nghiệp trong cơ sở giáo dục, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền kinh tế tri thức.

Để đạt mục tiêu trên, chương trình đưa ra năm giải pháp: Hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ khởi nghiệp; tăng cường hoạt động kết nối các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp, nâng cao hiệu quả truyền thông, hợp tác quốc tế; đổi mới chương trình, đẩy mạnh công tác đào tạo thúc đẩy văn hóa khởi nghiệp; đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục; đa dạng hóa các nguồn vốn cho chương trình, dự án khởi nghiệp.

Trong các giải pháp, đáng chú ý là nghiên cứu xây dựng và thí điểm mô hình “doanh nghiệp trong cơ sở đào tạo”, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nguồn gắn với cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; công nhận kết quả học tập, nghiên cứu qua dự án khởi nghiệp; đẩy mạnh kết nối mạng lưới cố vấn, nhà đầu tư thiên thần, cựu sinh viên, doanh nghiệp, hình thành các chuỗi cố vấn - đầu tư - thương mại hóa gắn với từng lĩnh vực; xây dựng chương trình hỗ trợ kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp, kinh doanh cho học sinh phổ thông...

ĐẨY MẠNH SẢN XUẤT, PHÂN PHỐI VÀ SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU SINH HỌC TẠI VIỆT NAM

Ngày 26/02/2026, Thủ tướng Chính phủ ban hành [Chỉ thị số 07/CT-TTg](#) nhằm đẩy mạnh sản xuất, phối trộn, phân phối và sử dụng nhiên liệu sinh học tại Việt Nam theo lộ trình mới.

Theo đánh giá nêu tại Chỉ thị, thời gian qua việc triển khai đã đạt một số kết quả tích cực, góp phần bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh năng lượng và phát triển kinh tế bền vững. Tuy nhiên, mức tiêu thụ nhiên liệu sinh học còn hạn chế; công tác truyền thông chưa đồng bộ; cơ chế, chính sách hỗ trợ chưa đủ mạnh; hệ thống phân phối và công tác kiểm tra, giám sát chưa thực sự hiệu quả.

Để khắc phục tồn tại, Chỉ thị yêu cầu các bộ, ngành, địa phương lồng ghép mục tiêu phát triển nhiên liệu sinh học vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển; đẩy mạnh truyền thông nâng cao nhận thức xã

hội; tăng cường phối hợp liên ngành; thúc đẩy các mô hình thí điểm trong giao thông, công nghiệp và nông nghiệp.

Bộ Công Thương được giao nhiệm vụ chủ trì, xây dựng và tổ chức thực hiện lộ trình phối trộn; bảo đảm nguồn cung ổn định; hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đề xuất chính sách giá, thuế, phí phù hợp; theo dõi, dự báo thị trường; thúc đẩy nghiên cứu công nghệ và hợp tác quốc tế; đồng thời có thể điều chỉnh tỷ lệ phối trộn khi cần thiết để bảo đảm an ninh năng lượng và quyền lợi người tiêu dùng. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế ưu đãi đầu tư, chính sách thuế, phí, tín dụng; bố trí và huy động nguồn lực tài chính; giám sát hiệu quả sử dụng nguồn lực. Bộ Khoa học và Công nghệ tập trung hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ thuật, cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy nghiên cứu - đổi mới sáng tạo và kiểm định chất lượng. Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao cũng được giao nhiệm vụ cụ thể gắn với lĩnh vực quản lý: phát triển vùng nguyên liệu bền vững; thúc đẩy sử dụng trong giao thông; lồng ghép mục tiêu giảm phát thải; tăng cường đào tạo, truyền thông và hợp tác quốc tế.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai lộ trình tại địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư hạ tầng; kiểm tra, giám sát việc phối trộn và kinh

doanh xăng sinh học; đẩy mạnh tuyên truyền trên địa bàn.

Cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo được khuyến khích chủ động tham gia nghiên cứu, sản xuất, phân phối, bảo đảm chất lượng và nguồn cung nhiên liệu sinh học; phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực.

Cùng với các nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương, Báo Nhân

Dân, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan báo chí cần đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin về nhiên liệu sinh học và các lợi ích của việc tiêu thụ nhiên liệu sinh học qua các kênh truyền thông chính thống và mạng xã hội; tổ chức các chiến dịch truyền thông nhằm thay đổi thói quen tiêu dùng và khuyến khích sử dụng nhiên liệu sinh học trong cộng đồng.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

QUY CHẾ VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ CỦA HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân được ban hành kèm theo [Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT](#) ngày 26/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Quy chế này quy định về quản lý văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm nguyên tắc quản lý, cấp văn bằng, chứng chỉ; người có thẩm quyền cấp và cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ; quyền và trách nhiệm của người được cấp văn bằng, chứng chỉ; nội dung, ngôn ngữ ghi trên văn bằng, chứng chỉ, phụ lục văn bằng; cấp, cấp lại, chỉnh sửa, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ; cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc; lập và lưu trữ hồ sơ quản lý văn bằng, chứng chỉ.

Các loại văn bằng gồm: Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ và các văn bằng đào tạo chuyên

sâu (kỹ sư, bác sĩ, kiến trúc sư...). Chứng chỉ được cấp để xác nhận kết quả học tập, bồi dưỡng hoặc dự thi. Văn bằng, chứng chỉ có thể tồn tại dưới dạng giấy hoặc sổ và có giá trị pháp lý như nhau, được quản lý trên cơ sở dữ liệu dùng chung toàn quốc phục vụ chuyển đổi số.

Nguyên tắc quản lý nhân mạnh mỗi văn bằng, chứng chỉ phải có số hiệu riêng, bảo đảm chống làm giả; chỉ cấp một lần (trừ trường hợp cấp lại do lỗi cơ quan cấp); bảo đảm công khai, minh bạch và nghiêm cấm gian lận. Mọi hoạt động cấp, chỉnh sửa, thu hồi văn bằng, chứng chỉ phải được cập nhật vào sổ gốc và cơ sở dữ liệu.

Quy chế quy định cụ thể thẩm quyền cấp văn bằng, chứng chỉ; trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục và người có thẩm quyền ký cấp. Đồng thời, xác định rõ quyền của người được cấp (được cấp đúng hạn, được tra cứu, yêu cầu chỉnh sửa...) và nghĩa vụ (cung cấp thông

tin chính xác, bảo quản văn bằng, không cho người khác sử dụng...).

Đáng chú ý, Quy chế có quy định về công bố công khai thông tin về cấp văn bằng, chứng chỉ trên cổng thông tin điện tử để giúp xác minh về văn bằng, chứng chỉ, bảo đảm minh bạch việc cấp văn bằng, chứng chỉ. Cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ phải công khai trên cổng thông tin điện tử về: Các mẫu văn bằng, chứng chỉ; danh sách cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học hàng năm. Thông tin tra cứu từ cơ sở dữ liệu về

văn bằng, chứng chỉ hoặc hiển thị trên ứng dụng VNeID được sử dụng thay cho bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc và có giá trị xác minh văn bằng, chứng chỉ thay cho việc cơ quan quản lý sổ gốc xác minh văn bằng, chứng chỉ bằng văn bản. Thông tư 10/2026/TT-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 15/4/2026. Các mẫu văn bằng, chứng chỉ và bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc được ban hành, phê duyệt trước ngày này được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31/8/2026.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Trí tuệ nhân tạo gồm 8 chương và 51 điều.

Theo dự thảo, Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm quản lý, vận hành Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo và Cơ sở dữ liệu quốc gia về hệ thống trí tuệ nhân tạo; xây dựng, quản lý thống nhất Cơ sở dữ liệu quốc gia về hệ thống trí tuệ nhân tạo để phục vụ công tác quản lý nhà nước, giám sát và tổng hợp thông tin về hệ thống trí tuệ nhân tạo; tổ chức triển khai các giải pháp, công cụ số phục vụ quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ tiếp nhận hồ sơ, theo dõi tiến độ xử lý và quản lý, giám sát hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; bảo đảm phù hợp với lộ trình, nguồn lực được bố

trí và không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

Nội dung trọng tâm của dự thảo Nghị định là cơ chế, tiêu chí, nguyên tắc phân loại, xây dựng danh mục hệ thống trí tuệ nhân tạo theo mức độ rủi ro (cao, trung bình, thấp) để áp dụng biện pháp quản lý tương ứng. Đồng thời, dự thảo quy định việc kiểm tra, giám sát hệ thống trí tuệ nhân tạo được thực hiện theo nguyên tắc dựa trên mức độ rủi ro theo quy định của Luật Trí tuệ nhân tạo.

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về trí tuệ nhân tạo thực hiện giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo có mức rủi ro cao định kỳ hoặc khi có phản ánh kiến nghị, có dấu hiệu vi phạm như: Kiểm tra việc tuân thủ yêu cầu về an toàn, an ninh, minh bạch và các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu nhà cung cấp xuất trình hồ sơ kỹ thuật, nhật ký vận

hành, kết quả đánh giá sự phù hợp và các tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật; giám sát hoạt động của hệ thống trên môi trường số thông qua Cổng thông tin điện tử một cửa về trí tuệ nhân tạo...

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ TÀU BAY VÀ KHAI THÁC TÀU BAY

Dự thảo Nghị định quy định về tàu bay và khai thác tàu bay gồm 9 chương và 72 điều. Dự thảo này quy định chi tiết một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. Cụ thể, quy định về quản lý nhà nước lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay, bao gồm: Đăng ký quốc tịch, quản lý, xoá quốc tịch tàu bay, đăng ký quyền đối với tàu bay; giấy chứng nhận loại, giấy chứng nhận đủ điều kiện bay; nhập khẩu, xuất khẩu tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay; người khai thác tàu bay, giấy chứng nhận người khai thác tàu bay; chuyển giao nghĩa vụ giữa quốc gia đăng ký tàu bay, quốc gia đăng ký quốc tịch tàu bay và quốc gia của

người khai thác tàu bay; định chỉ thực hiện chuyển bay; yêu cầu tàu bay hạ cánh; vận chuyển hàng hóa nguy hiểm; tổ chức thiết kế, sản xuất, thử nghiệm, bảo dưỡng tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang thiết bị tàu bay; bảo vệ môi trường.

Theo dự thảo, Nghị định sẽ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân người Việt Nam hoặc nước ngoài có hoạt động khai thác tàu bay trên lãnh thổ Việt Nam; tổ chức, cá nhân khai thác quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam; tổ chức, cá nhân người Việt Nam hoặc nước ngoài có hoạt động thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng tàu bay, động cơ, cánh quạt và trang thiết bị lắp trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam. Nghị định cũng áp dụng với cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân được ủy quyền thực hiện công tác quản lý nhà nước, giám sát an toàn đối với tàu bay và khai thác tàu bay.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Các hành vi nào bị nghiêm cấm khi sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo?*

Trả lời: Luật Trí tuệ nhân tạo [số 134/2025/QH15](#) có hiệu lực từ ngày 01/3/2026.

Điều 7 Luật Trí tuệ nhân tạo nêu rõ các hành vi bị nghiêm cấm gồm:

- Lợi dụng, chiếm đoạt hệ thống trí tuệ nhân tạo để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền,

lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Phát triển, cung cấp, triển khai hoặc sử dụng các hệ thống trí tuệ nhân tạo để thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm; sử dụng yếu tố giả mạo hoặc mô phỏng người, sự kiện thật để lừa dối hoặc thao túng nhận thức, hành vi của con người một cách có chủ đích và có hệ thống; lợi dụng điểm yếu của nhóm người dễ bị tổn thương để gây tổn hại cho chính họ

hoặc người khác; tạo ra hoặc phổ biến nội dung giả mạo có khả năng gây nguy hại nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- Thu thập, xử lý hoặc sử dụng dữ liệu để phát triển, huấn luyện, kiểm thử hoặc vận hành hệ thống trí tuệ nhân tạo trái với quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và an ninh mạng.

- Cản trở, vô hiệu hóa hoặc làm sai lệch cơ chế giám sát, can thiệp và kiểm soát của con người đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo.

- Che giấu thông tin bắt buộc phải công khai, minh bạch hoặc giải trình; tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin, nhãn, cảnh báo bắt buộc trong hoạt động trí tuệ nhân tạo.

- Lợi dụng hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, đánh giá hoặc kiểm định hệ thống trí tuệ nhân tạo để thực hiện hành vi trái quy định của luật.

2. Hỏi: Khi sử dụng hình ảnh, video do AI tạo ra có phải gắn nhãn để nhận biết không?

Trả lời: Theo [khoản 4, Điều 11](#) Luật Trí tuệ nhân tạo, bên triển khai có trách nhiệm bảo đảm âm thanh, hình ảnh, video được tạo ra hoặc chỉnh sửa bằng hệ thống trí tuệ nhân tạo nhằm mô phỏng, giả lập ngoại hình, giọng nói của người thật hoặc tái hiện sự kiện thực tế phải được gắn nhãn để nhận biết để phân biệt với nội dung thật.

Đối với sản phẩm là tác phẩm điện ảnh, nghệ thuật hoặc sáng tạo, việc gắn nhãn quy định tại khoản này được thực hiện theo phương thức phù hợp, bảo đảm không làm

cản trở việc hiển thị, trình diễn hoặc thương thức tác phẩm.

3. Hỏi: Hành vi vi phạm trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời: [Khoản 1, Điều 29](#) Luật Trí tuệ nhân tạo quy định tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan đến trí tuệ nhân tạo, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm thì bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Hỏi: Trách nhiệm quản lý Nhà nước về trí tuệ nhân tạo được quy định như thế nào?

Trả lời: Trách nhiệm quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo được quy định tại [khoản 2, Điều 30](#) Luật Trí tuệ nhân tạo, cụ thể:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo;

- Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo trên phạm vi cả nước;

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo tại địa phương./.